Thời gian qua Bộ Tài chính nhận được công văn của một số đơn vị và Cục Thuế địa phương hỏi về việc sử dụng hóa đơn đối với Nhà khách, khách sạn của cơ quan nhà nước, đoàn thể ở Trung ương và địa phương. Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại điểm 2 Mục IV Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định: "cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng khi bán hàng hóa, dịch vụ phải sử dụng hóa đơn bán hàng".

Căn cứ vào quy định trên đây, từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 các Nhà khách thuộc cơ quan nhà nước, đoàn thể ở Trung ương và địa phương (quy định tại Thông tư số 108/2000/TT-BTC ngày 27/10/2000 của Bộ Tài chính) phải sử dụng hóa đơn bán hàng khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Giá bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán hàng là giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

Đối với các Khách sạn, Nhà khách thuộc cơ quan nhà nước, đoàn thể ở Trung ương và địa phương đã được cơ quan thuế hướng dẫn thực hiện tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng (như trường hợp Khách sạn La Thành) cũng thống nhất sử dụng hóa đơn bán hàng khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng như đối với các Nhà khách nêu trên.

Đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo cho các đơn vị biết, thực hiện./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
*Thứ trưởng*

**Trương Chí Trung**

*BỘ THƯƠNG MẠI*

## QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 1420/2004/QĐ-BTM ngày 04/10/2004 về việc ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)".

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

*Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;*

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu,*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT)".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 416/TM-ĐB ngày 13/5/1996 ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN của Việt Nam - Mẫu D và các Quyết định sửa đổi, bổ sung số 0878/1998/QĐ-BTM ngày 30/7/1998, số 1000/1998/QĐ-BTM ngày 03/9/1998, số 0492/2000/QĐ-BTM ngày 25/12/2000.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan thuộc Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thi hành và hướng dẫn thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

**Trương Đình Tuyển**

# QUY CHẾ cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)"

*(ban hành kèm theo Quyết định số 1420/2004/QĐ-BTM ngày 04/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).*

## I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Định nghĩa

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN của Việt Nam - Mẫu D (sau đây gọi tắt là C/O Mẫu D) là giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực của Bộ Thương mại và các cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền cấp cho hàng hóa Việt Nam để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA)" (dưới đây gọi là Hiệp định CEPT).

- Hiệp định CEPT là Hiệp định quốc tế giữa các nước thành viên ASEAN mà Việt Nam đã ký tham gia tại Băng Cốc - Thái Lan ngày 15/12/1995 và có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/1996.

**Điều 2.** Hàng hóa được cấp C/O Mẫu D

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Hàng hóa được cấp C/O Mẫu D là hàng hóa đáp ứng được đầy đủ các điều kiện về xuất xứ quy định tại Hiệp định CEPT (thể hiện trong Phụ lục 1 của Quy chế này) và thuộc Danh mục hàng hóa ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ quy định về hàng hóa thuộc Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung của các nước ASEAN (CEPT).

**Điều 3.** Trách nhiệm của người xin cấp C/O Mẫu D

Mọi tổ chức, thương nhân (sau đây gọi tắt là người xin cấp C/O Mẫu D) có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các Cơ quan cấp C/O Mẫu D và các tổ chức giám định hàng hóa trong việc xác định chính xác xuất xứ hàng hóa của mình.

Người xin cấp C/O Mẫu D phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các chi tiết được khai trong C/O Mẫu D.

## II. THỦ TỤC CẤP C/O MẪU D

**Điều 4.** Số lượng một bộ C/O Mẫu D

Bộ C/O Mẫu D được cấp bao gồm một (01) bản chính và ba (03) bản sao.

**Điều 5.** Hồ sơ xin cấp C/O Mẫu D

Hồ sơ xin cấp C/O Mẫu D bao gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu D (theo mẫu chung do Bộ Thương mại ban hành) đã được khai hoàn chỉnh (theo Điều 1 của Phụ lục 3);

b) Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hóa (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra) phải phù hợp với các quy chế về xuất xứ quy định tại Phụ lục số 1 trong Quy chế này và do Công ty giám định hàng hóa cấp (quy định trong Phụ lục 4);

c) Tờ khai Hải quan đã được thanh khoản;

d) Hóa đơn thương mại;

e) Vận đơn.

Trong trường hợp chưa có Tờ khai Hải quan đã hoàn thành thủ tục Hải quan (nhưng phải có Tờ khai Hải quan đã có chữ ký của cán bộ Hải quan tiếp nhận hồ sơ) và Vận đơn hoặc Biên lai nhận hàng, người xin cấp C/O Mẫu D có thể được nợ các chứng từ này nhưng phải có văn bản gửi cơ quan cấp C/O Mẫu D cam kết sẽ nộp các chứng từ này sau. Thời gian được nợ các chứng từ này tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O Mẫu D.

Ba loại giấy (số c; d; e) là bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận sao y bản chính của thủ trưởng đơn vị (nếu là tổ chức) hoặc có chữ ký và đóng dấu của cơ quan công chứng (nếu là cá nhân) đồng thời mang theo bản chính để đối chiếu.

Ba (03) tháng một lần, doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan cấp C/O Mẫu D tại địa bàn hoạt động của mình về những lô hàng doanh nghiệp bị các nước nhập khẩu từ chối hưởng thuế suất CEPT mặc dù đã được cấp C/O Mẫu D.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

**Điều 6.** Kiểm tra xuất xứ hàng hóa được cấp C/O Mẫu D

Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan cấp C/O Mẫu D có thể:

a) Yêu cầu người xin cấp C/O Mẫu D cung cấp thêm các tài liệu cần thiết để xác định chính xác xuất xứ hàng hóa theo các tiêu chuẩn của Hiệp định CEPT;

b) Tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất;

c) Kiểm tra lại các trường hợp đã được cấp C/O Mẫu D.

**Điều 7.** Thời hạn cấp C/O Mẫu D:

Cơ quan cấp C/O Mẫu D có trách nhiệm cấp C/O Mẫu D trong các thời hạn sau, kể từ khi nhận được hồ sơ xin cấp C/O Mẫu D đầy đủ và hợp lệ:

a) 2 giờ làm việc đối với các trường hợp thông thường;

b) 4 giờ làm việc đối với các trường hợp được quy định tại khoản a Điều 6;

c) Trong trường hợp được quy định tại khoản b Điều 6, thời hạn có thể chậm hơn nhưng không quá bảy (7) ngày làm việc.

**Điều 8.** C/O Mẫu D cấp sau

Trong trường hợp vì sai sót của cán bộ cấp C/O Mẫu D hoặc vì các trường hợp bất khả kháng của người xin cấp C/O Mẫu D, Cơ quan cấp C/O Mẫu D cấp C/O Mẫu D cho hàng hóa đã được giao trong thời hạn không quá 1 năm kể từ ngày giao hàng. C/O Mẫu D được cấp trong trường hợp này phải ghi rõ "cấp sau và có hiệu lực từ khi giao hàng" bằng tiếng Anh: "Issued retroactively".

**Điều 9.** Cấp lại C/O Mẫu D

Trong trường hợp C/O Mẫu D bị mất cắp, thất lạc hoặc hư hỏng, Cơ quan cấp C/O Mẫu D có thể cấp lại bản sao chính thức C/O Mẫu D và bản sao thứ ba trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đơn xin cấp lại có kèm theo bản sao thứ tự (Quadruplicate) của lần cấp đầu tiên, có ghi vào ô số 12 dòng chữ "sao y bản chính" bằng tiếng Anh: "Certified true copy".

**Điều 10.** Từ chối cấp và từ chối cấp lại C/O Mẫu D

Trường hợp hàng hóa không đủ tiêu chuẩn hoặc không xác định được chính xác xuất xứ theo các tiêu chuẩn của Hiệp định CEPT hoặc hồ sơ xin cấp lại không có bản sao thứ tự của lần cấp đầu tiên, Cơ quan cấp C/O Mẫu D có quyền từ chối cấp C/O Mẫu D và phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người xin cấp biết trong thời hạn được quy định tại Điều 7 và Điều 9.

**Điều 11.** Những vấn đề khác

Những vấn đề chưa được đề cập trong các điều từ Điều 4 đến Điều 10 sẽ được giải quyết theo các quy định của ASEAN tại Phụ lục số 2.

## III. TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VIỆC CẤP C/O MẪU D

**Điều 12.** Người ký C/O Mẫu D

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Chỉ có những người được Bộ trưởng Bộ Thương mại ủy quyền và đã đăng ký chữ ký mới có quyền cấp C/O Mẫu D.

**Điều 13.** Cơ quan cấp C/O Mẫu D

Việc cấp Giấy chứng nhận Mẫu D do các Cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền nêu tại Điều 1 Phụ lục 3 của Quyết định này. Danh sách này có thể được Bộ Thương mại điều chỉnh bổ sung.

Các thương nhân có quyền lựa chọn nơi xin cấp Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu D trong số các cơ quan được cấp Giấy chứng nhận Mẫu D để phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh. Riêng các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất chỉ được cấp C/O Mẫu D cho các doanh nghiệp trên địa bàn mình phụ trách.

**Điều 14.** Trách nhiệm của cơ quan cấp C/O Mẫu D

Các Cơ quan cấp C/O Mẫu D có trách nhiệm:

- Hướng dẫn thủ tục xin cấp C/O Mẫu D;
- Kiểm tra hồ sơ xin cấp C/O Mẫu D;
- Duyệt ký và cấp C/O Mẫu D;
- Lưu trữ hồ sơ cấp C/O Mẫu D;
- Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng C/O Mẫu D;
- Báo cáo những vấn đề liên quan đến việc cấp và sử dụng C/O Mẫu D.

## IV. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 15.** Cơ quan giải quyết khiếu nại

Trong trường hợp bị từ chối cấp hoặc quá thời hạn được quy định tại Điều 7 và Điều 9 mà chưa được cấp mới hoặc cấp lại C/O Mẫu D, người xin cấp C/O Mẫu D có quyền khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Thương mại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định từ chối cấp C/O Mẫu D hoặc ngày cuối cùng của thời hạn cấp theo Điều 7. Bộ trưởng Bộ Thương mại có trách nhiệm giải quyết trong vòng 5 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu chưa đồng ý với quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại thì có thể khởi kiện ra Tòa theo quy định của pháp luật.

**Điều 16.** Thu hồi C/O Mẫu D

Sau khi cấp C/O Mẫu D, Cơ quan cấp C/O Mẫu D có trách nhiệm cùng với các cơ quan hữu quan khác tiếp tục kiểm tra, giám sát việc sử dụng C/O Mẫu D của các chủ hàng. Trong trường hợp có đủ lý do để xác định có hành vi vi phạm quy chế cấp và sử dụng C/O Mẫu D, Cơ quan cấp C/O Mẫu D có quyền thu hồi C/O Mẫu D đã cấp.

**Điều 17.** Cơ quan đầu mối giải quyết khiếu nại

Vụ Xuất nhập khẩu là đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Thương mại giải quyết khiếu nại của nước ngoài và/hoặc trong nước. Cơ quan cấp C/O Mẫu D có liên quan đến việc khiếu nại này chịu trách nhiệm giải trình trước Vụ Xuất nhập khẩu và/hoặc trước Bộ trưởng Bộ Thương mại.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

**Điều 18.** Xử phạt hành vi vi phạm

Mọi hành vi gian dối trong quá trình cấp và sử dụng C/O Mẫu D, tùy theo mức độ, sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy tố trước pháp luật.

## Phụ lục 1

## QUY CHẾ XUẤT XỨ DÙNG CHO HIỆP ĐỊNH CEPT

Khi xác định xuất xứ của hàng hóa đủ điều kiện hưởng Chương trình CEPT theo Hiệp định CEPT, sẽ áp dụng các quy tắc sau:

### Quy tắc 1: Xác định xuất xứ của sản phẩm

Các hàng hóa thuộc diện CEPT được nhập khẩu vào một Nước Thành viên từ một Nước thành viên khác được vận tải trực tiếp theo nghĩa của Quy tắc 5 của Quy chế này, sẽ đủ điều kiện được hưởng ưu đãi nếu chúng đáp ứng các yêu cầu xuất xứ theo một trong các điều kiện sau đây:

a) Các hàng hóa có xuất xứ thuần túy (được sản xuất hoặc thu hoạch toàn bộ tại Nước Thành viên xuất khẩu) như quy định tại Quy tắc 2;

b) Các hàng hóa có xuất xứ không thuần túy (không được sản xuất hoặc thu hoạch toàn bộ tại Nước Thành viên xuất khẩu), miễn là các hàng hóa đó đủ điều kiện theo Quy tắc 3 hoặc Quy tắc 4.

### Quy tắc 2: Xuất xứ thuần túy

Theo nghĩa của Quy tắc 1 các hàng hóa sau được coi là có xuất xứ thuần túy:

(a) Các khoáng sản được khai thác từ lòng đất, mặt nước hay đáy biển của nước đó;

(b) Các hàng hóa nông sản được thu hoạch ở nước đó;

(c) Các động vật được sinh ra và chăn nuôi ở nước đó;

(d) Các sản phẩm từ động vật nêu ở mục (c) trên đây;

(e) Các sản phẩm thu được do săn bắn hoặc đánh bắt ở nước đó;

(f) Các sản phẩm thu được do đánh cá trên biển và các đồ hải sản do các tàu của nước đó lấy được từ biển;

(g) Các sản phẩm được chế biến hay sản xuất trên boong tầu của nước đó từ các sản phẩm nêu ở mục (f) trên đây;

(h) Các nguyên liệu đã qua sử dụng được thu nhặt tại nước đó, chỉ dùng để tái chế nguyên liệu;

(i) Đồ phế thải từ các hoạt động công nghiệp tại nước đó; và

(j) Các hàng hóa được sản xuất từ các sản phẩm từ mục (a) đến (i).

### Quy tắc 3: Xuất xứ không thuần túy

(a) (i) Hàng hóa sẽ được coi là xuất xứ từ các nước Thành viên ASEAN, nếu có ít nhất 40% hàm lượng xuất xứ từ bất cứ Nước Thành viên nào.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(ii) Nguyên phụ liệu mua trong nước do các nhà sản xuất đã được cấp phép cung cấp, tuân thủ các quy định của luật pháp tại nước đó được coi là đáp ứng về xuất xứ ASEAN; nguyên phụ liệu mua từ nguồn khác phải kiểm tra hàm lượng để xác định xuất xứ.

(iii) Theo tiểu mục (i) ở trên, nhằm mục đích thực hiện các quy định của Quy tắc 1(b), các sản phẩm được chế tạo hoặc gia công mà có tổng giá trị nguyên phụ liệu được sử dụng có xuất xứ từ các nước không phải là thành viên ASEAN hoặc có xuất xứ không xác định được không vượt quá 60% của giá FOB của sản phẩm được sản xuất hoặc chế biến và có quá trình sản xuất cuối cùng được thực hiện trên lãnh thổ Nước xuất khẩu là Thành viên.

(b) Giá trị nguyên phụ liệu không xuất xứ từ ASEAN sẽ là:

(i) Giá CIF của hàng hóa tại thời điểm nhập khẩu;

(ii) Giá xác định ban đầu của sản phẩm có xuất xứ không xác định được tại lãnh thổ của Nước Thành viên nơi thực hiện quá trình gia công chế biến.

Công thức 40% hàm lượng ASEAN như sau:

$$\frac{\text{Giá trị nguyên phụ liệu nhập khẩu từ nước không phải là thành viên ASEAN} + \text{Giá trị nguyên phụ liệu có xuất xứ không xác định được}}{\text{Giá FOB}} \times 100\% \leq 60\%$$

(c) Phương pháp tính hàm lượng nội địa/ASEAN được quy định tại Phụ lục 6. Các nguyên tắc để xác định chi phí xác định xuất xứ ASEAN và các hướng dẫn về phương pháp luận tính chi phí tại Phụ lục 7 cần được tuân thủ triệt để.

**Quy tắc 4: Quy tắc xuất xứ cộng gộp**

Các sản phẩm đã đáp ứng được các yêu cầu xuất xứ quy định tại Quy tắc 1 và được sử dụng tại một Nước Thành viên như là đầu vào của một sản phẩm hoàn chỉnh đủ điều kiện được hưởng ưu đãi tại các Nước Thành viên khác sẽ được coi là các sản phẩm có xuất xứ tại Nước Thành viên là nơi tổ chức gia công chế biến sản phẩm cuối cùng miễn là tổng hàm lượng ASEAN của sản phẩm cuối cùng không nhỏ hơn 40%.

**Quy tắc 5: Vận tải trực tiếp**

Các trường hợp sau được coi là vận tải trực tiếp từ Nước xuất khẩu là Thành viên đến Nước nhập khẩu là Thành viên:

(a) Nếu hàng hóa được vận chuyển qua lãnh thổ của bất kỳ một nước ASEAN nào;

(b) Nếu hàng hóa được vận chuyển không qua lãnh thổ của bất kỳ một nước không phải là thành viên ASEAN nào khác;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(c) Hàng hóa được vận chuyển quá cảnh qua một hoặc nhiều nước trung gian không phải thành viên ASEAN có hoặc không có chuyển tải hoặc lưu kho tạm thời tại các nước đó, với điều kiện:

(i) Quá cảnh là cần thiết vì lý do địa lý hay do yêu cầu có liên quan trực tiếp đến vận tải hàng;

(ii) Hàng hóa không được mua bán hoặc sử dụng ở các nước quá cảnh đó; và

(iii) Không được xử lý gì đối với sản phẩm ngoài việc dỡ hàng và tái xếp hàng hoặc những công việc cần thiết để giữ hàng trong điều kiện đảm bảo.

**Quy tắc 6: Xử lý bao bì hàng hóa**

(a) Trong trường hợp để xác định thuế hải quan, một Nước Thành viên sẽ xét hàng hóa tách riêng với bao bì. Đối với hàng nhập khẩu chuyển tới từ một Nước thành viên khác, Nước Thành viên có thể cũng xét riêng xuất xứ của bao bì.

(b) Trường hợp không áp dụng được theo mục (a) trên đây, bao bì sẽ được xét chung với hàng hóa. Phần bao bì dùng do yêu cầu vận tải hoặc lưu kho được coi là có xuất xứ ASEAN.

**Quy tắc 7: C/O Mẫu D phù hợp**

Hàng hóa sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) nếu có C/O Mẫu D do một cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ nước xuất khẩu là thành viên cấp. Các nước thành viên phải thông báo cho nhau biết cơ quan cấp C/O Mẫu D và các thủ tục cấp C/O Mẫu D phải phù hợp với các Thủ tục Cấp C/O Mẫu D được quy định và Hội nghị các quan chức kinh tế cấp cao (SEOM) thông qua.

**Quy tắc 8: Xem xét lại**

Quy chế này có thể được xem xét lại khi cần thiết theo yêu cầu của một Nước thành viên và có thể được sửa đổi khi được Hội đồng các Bộ trưởng chấp thuận./.

## Phụ lục 2

## THỦ TỤC CẤP C/O MẪU D DÙNG CHO QUY CHẾ XUẤT XỨ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI THUẾ QUAN CÓ HIỆU LỰC CHUNG ASEAN (CEPT)

Để thực hiện các quy chế xuất xứ của Chương trình CEPT, thủ tục cấp và xác minh C/O Mẫu D và các vấn đề hành chính liên quan được quy định như sau:

### A. CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP C/O MẪU D

**Điều 1.** C/O Mẫu D do Cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ nước xuất khẩu là Thành viên cấp.

**Điều 2.**

(a) Nước thành viên sẽ thông báo cho tất cả các Nước Thành viên khác biết tên và địa chỉ của Cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ cấp C/O Mẫu D và cung cấp các chữ ký mẫu và mẫu con dấu chính thức mà cơ quan đó sử dụng.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(b) Các thông tin và các mẫu trên sẽ được các nước Thành viên lập thành mười (10) bộ gửi cho Ban thư ký ASEAN để chuyển cho các nước Thành viên khác. Bất cứ thay đổi gì về tên, địa chỉ cũng như chữ ký và con dấu chính thức phải được thông báo ngay theo phương thức trên.

(c) Mẫu chữ ký và mẫu con dấu trên sẽ được Ban Thư ký tổng hợp và cập nhật hàng năm. Bất kỳ C/O Mẫu D nào được cấp mà người ký không có tên trong danh sách này sẽ không được nước nhập khẩu chấp thuận.

**Điều 3.** Để thẩm tra điều kiện được hưởng ưu đãi, cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ được giao cấp C/O Mẫu D có quyền yêu cầu xuất trình bất kỳ loại chứng từ cần thiết nào cũng như tiến hành bất kỳ việc kiểm tra nào nếu thấy cần thiết. Nếu quyền này không được pháp luật hiện hành của quốc gia cho phép thì điều này sẽ được đưa vào như là một điều khoản trong mẫu đơn sẽ đề cập tới trong Điều 4 và Điều 5 dưới đây.

## B. XIN CẤP C/O MẪU D

**Điều 4.**

(a) Nhà sản xuất và/hoặc nhà xuất khẩu sản phẩm đủ tiêu chuẩn được hưởng ưu đãi sẽ viết đơn xin cơ quan hữu quan của Chính phủ kiểm tra xuất xứ hàng hóa trước khi xuất khẩu. Kết quả của việc kiểm tra này, có thể được xem xét lại định kỳ hoặc bất kỳ khi nào thấy cần thiết, sẽ được chấp nhận là chứng cứ hỗ trợ để xác định xuất xứ của hàng hóa sẽ được xuất khẩu sau này. Việc kiểm tra hàng hóa trước khi xuất khẩu có thể không áp dụng đối với hàng hóa, mà (do bản chất của chúng) xuất xứ có thể được xác định dễ dàng.

(b) Đối với nguyên phụ liệu mua trong nước, việc khai báo của nhà sản xuất cuối cùng trước khi xuất khẩu là căn cứ để cấp C/O Mẫu D.

**Điều 5.** Khi làm thủ tục để xuất khẩu hàng hóa được hưởng ưu đãi, nhà xuất khẩu hoặc đại diện được ủy quyền phải nộp đơn xin C/O Mẫu D cùng với các chứng thư cần thiết chứng minh rằng hàng hóa sẽ xuất khẩu đủ tiêu chuẩn để được cấp C/O Mẫu D.

## C. KIỂM TRA HÀNG HÓA TRƯỚC KHI XUẤT KHẨU

**Điều 6.** Cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ được giao cấp C/O Mẫu D sẽ, với khả năng và quyền hạn tối đa của mình, tiến hành kiểm tra thích đáng từng trường hợp nhằm đảm bảo rằng:

(a) Đơn xin và C/O Mẫu D phải được khai đúng, đủ và được người có thẩm quyền ký;

(b) Xuất xứ của hàng hóa tuân thủ Quy chế xuất xứ;

(c) Các lời khai khác trong C/O Mẫu D phù hợp với các chứng từ nộp kèm;

(d) Quy cách, số lượng và trọng lượng hàng hóa, mã hiệu và số lượng kiện

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

hàng, số lượng và loại kiện hàng được khai phù hợp với hàng hóa xuất khẩu;

(e) Nhiều mặt hàng có thể được khai trên một C/O Mẫu D miễn là từng mặt hàng phải đáp ứng tiêu chuẩn riêng của nó.

## D. CẤP C/O MẪU D

**Điều 7.**

(a) Cấp C/O Mẫu D phải theo đúng mẫu như Phụ lục "A" trên khổ giấy ISO A4. Và phải được làm bằng tiếng Anh;

(b) Bộ C/O Mẫu D gồm một bản gốc và ba bản sao carbon (carbon copy) có mầu như sau:

- Bản gốc (original): Mầu tím nhạt (light violet)

- Bản sao thứ hai (Duplicate): Mầu da cam (orange)

- Bản sao thứ ba (Triplicate): Mầu da cam (orange)

- Bản sao thứ tư (Quadruplicate): Mầu da cam (orange);

(c) Mỗi Bộ C/O Mẫu D phải mang số tham chiếu riêng của mỗi địa điểm hoặc cơ quan cấp;

(d) Bản gốc và bản sao thứ ba được nhà xuất khẩu gửi cho nhà nhập khẩu để nộp cho cơ quan hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu. Bản sao thứ hai sẽ được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ tại nước xuất khẩu là Thành viên giữ lại. Bản sao thứ tư sẽ do nhà xuất khẩu giữ. Sau khi nhập khẩu hàng hóa, bản sao thứ ba sẽ được đánh dấu thích hợp vào ô thứ 4 và gửi lại cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ trong khoảng thời gian thích hợp;

(e) Trường hợp một C/O Mẫu D bị cơ quan Hải quan nước nhập khẩu từ chối thì bản gốc và bản sao thứ ba của C/O Mẫu D này sẽ được đánh dấu vào ô thứ 4 và gửi lại cho nước cấp trong thời hạn tối đa là hai (2) tháng đồng thời phải thông báo lý do từ chối cho cơ quan cấp C/O Mẫu D này;

(f) Trường hợp C/O Mẫu D không được nước nhập khẩu chấp thuận thì theo mục (e) nêu trên nước nhập khẩu sẽ đề nghị việc xác nhận của nước cấp để chấp thuận lại C/O Mẫu D đó. Việc xác nhận của nước cấp C/O Mẫu D phải chi tiết và cụ thể để giải thích rõ lý do từ chối mà nước nhập khẩu thông báo.

**Điều 8.**

(a) Để thực hiện các quy định tại Quy tắc 3 và Quy tắc 4 của Quy chế Xuất xứ, C/O Mẫu D do nước xuất khẩu là Thành viên cuối cùng cấp và phải ghi rõ các quy tắc thích hợp và tỷ lệ phần trăm hàm lượng ASEAN có thể áp dụng trong ô thứ 8.

(b) Để thực hiện các quy định tại Quy tắc 5 và Quy tắc 6 của Quy chế Xuất xứ đối với hàng dệt may, C/O Mẫu D do nước xuất khẩu là Thành viên cuối cùng cấp và phải ghi rõ trong ô thứ 8 việc Quy chế xuất xứ này có được đáp ứng không.

**Điều 9.** Không được phép tẩy xóa, viết thêm lên trên C/O Mẫu D. Mọi thay đổi

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phải được đánh dấu và chỉ rõ chỗ có lỗi. Tất cả những thay đổi này phải được người có thẩm quyền ký C/O Mẫu D chấp thuận. Các phần còn trống sẽ được gạch chéo để tránh điền thêm sau này.

**Điều 10.**

(a) C/O Mẫu D do Cơ quan hữu quan của Chính phủ nước xuất khẩu là Thành viên cấp vào thời điểm xuất khẩu hoặc một thời gian ngắn ngay sau đó nếu như hàng hóa được xuất khẩu có xuất xứ từ nước Thành viên đó theo quy định của Quy chế Xuất xứ.

(b) Cơ quan cấp của nước thành viên ASEAN thứ ba có thể cấp C/O Mẫu D giáp lưng (back-to-back C/O) với điều kiện kèm theo C/O Mẫu D gốc hợp lệ, nếu người xuất khẩu xin giấy chứng nhận này khi hàng đang rời cảng, riêng Thái Lan và Ma-lai-xi-a có thể yêu cầu cung cấp thêm một số chứng từ bổ sung.

(c) Trong những trường hợp ngoại lệ khi C/O Mẫu D không được cấp vào thời điểm xuất khẩu hoặc một thời gian ngắn ngay sau đó, do sai sót không chủ ý hoặc có lý do xác đáng khác, C/O Mẫu D có thể được cấp sau, có giá trị hiệu lực tính từ thời điểm xuất khẩu nhưng không vượt quá một năm kể từ ngày giao hàng, và phải ghi rõ "ISSUED RETROACTIVELY".

**Điều 11.** Trong trường hợp C/O Mẫu D bị mất cắp, thất lạc hoặc hư hỏng, nhà xuất khẩu có thể viết đơn gửi cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ, là chính cơ quan đã cấp, xin một bản sao chứng thực (chứng nhận sao y bản chính) của bản gốc và bản sao thứ ba dựa trên cơ sở các chứng từ xuất khẩu do cơ quan đó giữ, phải ghi rõ sự chấp nhận bằng chữ "CERTIFIED TRUE COPY" vào ô số 12. Bản sao này sẽ đề ngày cấp của bản gốc C/O Mẫu D. Bản sao chứng thực của C/O Mẫu D phải được cấp không quá một năm kể từ ngày cấp bản gốc C/O Mẫu D và với điều kiện là nhà xuất khẩu phải cung cấp bản sao thứ tư cho cơ quan có thẩm quyền cấp C/O Mẫu D liên quan.

## E. THỦ TỤC XUẤT TRÌNH C/O MẪU D

**Điều 12.** Bản gốc C/O Mẫu D cùng với bản sao thứ ba sẽ được nộp cho cơ quan hải quan vào thời điểm làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa đó.

**Điều 13.** Thời hạn quy định cho việc trình C/O Mẫu D như sau:

(a) C/O Mẫu D phải trình cho cơ quan hải quan của nước nhập khẩu là Thành viên trong vòng bốn tháng kể từ ngày được cơ quan hữu quan của Chính phủ nước xuất khẩu là Thành viên ký;

(b) Trong trường hợp hàng hóa đi qua lãnh thổ của một hoặc nhiều nước không phải là thành viên ASEAN theo Điều 5 (c) của Quy chế xuất xứ, thời hạn quy định tại mục (a) trên đây về việc xuất trình C/O Mẫu D được gia hạn tới 6 tháng;

(c) Trong trường hợp C/O Mẫu D nộp cho cơ quan hữu quan của Chính phủ nước nhập khẩu là Thành viên sau khi hết thời hạn quy định phải nộp thì C/O

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu D đó vẫn được chấp nhận nếu việc không tuân thủ thời hạn là do bất khả kháng hoặc là do những lý do xác đáng khác ngoài phạm vi kiểm soát của nhà xuất khẩu; và

(d) Trong mọi trường hợp, cơ quan hữu quan của Chính phủ nước nhập khẩu là Thành viên có thể chấp nhận C/O Mẫu D đó với điều kiện là hàng hóa đã được nhập khẩu trước khi hết thời hạn của C/O Mẫu D kể trên.

**Điều 14.** Trong trường hợp vận chuyển hàng hóa có xuất xứ từ nước xuất khẩu là Thành viên và có giá trị không quá 200 US$ giá FOB thì thủ tục cấp C/O Mẫu D sẽ được miễn và chấp nhận việc kê khai đơn giản của nhà xuất khẩu rằng hàng hóa đang xem xét có xuất xứ từ nước xuất khẩu là Thành viên. Hàng hóa gửi qua đường bưu điện có giá trị không vượt quá 200 US$ giá FOB cũng được xử lý tương tự.

**Điều 15.**

(a) Việc phát hiện có sự khác biệt nhỏ giữa các lời khai trong C/O Mẫu D và lời khai trong các chứng từ nộp cho cơ quan hải quan của nước nhập khẩu là Thành viên để làm các thủ tục nhập khẩu hàng hóa sẽ không, vì chính điều đó, làm mất giá trị của C/O Mẫu D, nếu thực tế những lời khai đó vẫn phù hợp với hàng hóa được giao.

(b) Trường hợp nhiều mặt hàng cùng khai trên một C/O Mẫu D, nếu một mặt hàng không hợp lệ thì những mặt hàng khác vẫn được hưởng ưu đãi. Điều 17(1)(c) sẽ được áp dụng đối với mặt hàng không hợp lệ.

**Điều 16.**

(a) Toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc xin cấp C/O Mẫu D sẽ được cơ quan cấp lưu trữ trong hai (2) năm kể từ ngày cấp.

(b) Thông tin liên quan đến tính xác thực của C/O Mẫu D sẽ được cung cấp theo đề nghị của nước nhập khẩu Thành viên và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

(c) Toàn bộ thông tin trao đổi giữa các nước Thành viên liên quan là thông tin mật và chỉ sử dụng cho việc liên quan đến chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

**Điều 17.**

**1.** Nước nhập khẩu là Thành viên có thể yêu cầu kiểm tra lại (retroactive check) một cách ngẫu nhiên và/hoặc bất cứ khi nào họ có nghi ngờ tính xác thực của chứng từ hoặc mức độ chính xác của thông tin liên quan đến xuất xứ thật sự của sản phẩm hoặc bộ phận nhất định của sản phẩm đang xét tới. Cơ quan cấp sẽ tiến hành kiểm tra tờ khai về chi phí trên cơ sở chi phí và giá cả thực tiễn của nhà sản xuất/nhà xuất khẩu trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày xuất khẩu.

(a) Yêu cầu kiểm tra lại sẽ được gửi kèm với C/O Mẫu D có liên quan và sẽ nêu rõ lý do cùng bất kỳ thông tin bổ sung nào cho rằng có những điểm trong C/O Mẫu D kể trên có thể không chính xác, trừ trường hợp nếu việc kiểm tra lại được thực hiện một cách ngẫu nhiên;

(b) Cơ quan cấp C/O Mẫu D phải phúc đáp một cách nhanh chóng trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra;

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(c) Cơ quan hải quan của nước nhập khẩu là Thành viên có thể tạm không cho hưởng ưu đãi trong khi chờ đợi kết quả thẩm tra. Tuy nhiên, cơ quan này vẫn có thể cho phép nhà nhập khẩu nhận hàng theo các thủ tục hành chính cần thiết, với điều kiện là hàng không nằm trong diện cấm hoặc hạn chế nhập khẩu và không có nghi ngờ gian lận;

(d) Quá trình kiểm tra bao gồm cả quá trình xem xét sản phẩm có đáp ứng đúng các quy định về xuất xứ hay không sẽ hoàn thành trong vòng sáu (6) tháng. Trong khi chờ kết quả kiểm tra, điều 17(1)(c) sẽ được áp dụng.

**2.** Nếu Nước nhập khẩu không hài lòng với kết quả kiểm tra thì có thể, trong trường hợp ngoại lệ, đề nghị cử các đoàn kiểm tra đến Nước xuất khẩu.

***(a)*** Theo Điều 17(2), trước khi tiến hành kiểm tra nước nhập khẩu sẽ:

(i) Thông báo bằng văn bản về việc kiểm tra tới:

(a) nhà xuất khẩu/nhà sản xuất về địa điểm sẽ kiểm tra

(b) cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu về địa điểm kiểm tra

(c) cơ quan Hải quan của nước xuất khẩu về địa điểm kiểm tra

(d) nhà nhập khẩu sản phẩm sẽ kiểm tra.

(ii) Thông báo nêu tại điểm 2.(a)(i) trên có đầy đủ nội dung sau:

(a) tên đơn vị Hải quan ra thông báo

(b) tên nhà xuất khẩu/nhà sản xuất và địa điểm sẽ kiểm tra

(c) ngày dự kiến kiểm tra

(d) nội dung dự kiến kiểm tra bao gồm mặt hàng sẽ kiểm tra

(e) tên cán bộ được cử đi kiểm tra.

(iii) Có thư thống nhất của nhà xuất khẩu/nhà sản xuất về các địa điểm tiến hành kiểm tra.

***(b)*** Trường hợp thư chấp thuận của nhà xuất khẩu/nhà sản xuất không được gửi đến cơ quan có thẩm quyền của nước ra Thông báo trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được Thông báo nêu tại Điểm 2(a)(i), nước ra Thông báo có quyền từ chối cho hưởng ưu đãi đối với hàng hóa là đối tượng kiểm tra.

***(c)*** Cơ quan Hải quan của nước Thành viên phải tiến hành kiểm tra sau khi nhận được Thông báo theo Điểm 2(a)(i), việc kiểm tra có thể được trì hoãn tối đa 60 ngày và phải có văn bản gửi nước kiểm tra trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo, nếu trì hoãn lâu hơn thời hạn này phải được sự đồng ý của các bên.

***(d)*** Nước Thành viên thực hiện việc cử đoàn đi kiểm tra phải gửi văn bản quyết định về việc sản phẩm được kiểm tra có xuất xứ phù hợp hay không cho nhà xuất khẩu/nhà sản xuất sản phẩm thuộc diện phải kiểm tra cũng như các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

(i) Quyết định về việc sản phẩm được kiểm tra có xuất xứ phù hợp hay không

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

sẽ có hiệu lực ngay khi nhận được thông báo bằng văn bản của nhà xuất khẩu, người sản xuất và cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Việc hoãn áp dụng các ưu đãi sẽ được xem xét lại khi quyết định có hiệu lực.

(ii) Nhà xuất khẩu/nhà sản xuất sẽ có ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp các thông tin thêm có liên quan đến tính phù hợp của sản phẩm trong thời hạn 30 ngày từ khi nhận được quyết định bằng văn bản. Nếu sản phẩm vẫn được coi là không có xuất xứ phù hợp, quyết định bằng văn bản cuối cùng sẽ được thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được ý kiến/thông tin thêm của nhà xuất khẩu/nhà sản xuất.

***(e)*** Quá trình kiểm tra, bao gồm việc đi thực tế và quyết định về xuất xứ của sản phẩm, sẽ được thực hiện và kết quả được thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu trong thời gian tối đa là 6 tháng. Trong khi chờ kết quả của việc kiểm tra, Quy tắc 17(1)(c) về việc tạm hoãn các ưu đãi sẽ được áp dụng.

**3.** Các nước Thành viên sẽ, theo quy định của luật pháp nước mình, giữ kín về các thông tin mật về hoạt động kinh doanh thu thập được trong quá trình kiểm tra và sẽ bảo vệ không để thông tin bị tiết lộ mà có thể gây tổn hại đến vị thế cạnh tranh của người cung cấp thông tin. Những thông tin mật về hoạt động kinh doanh chỉ có thể công bố cho các cơ quan có thẩm quyền điều hành và thực hiện việc quyết định về xuất xứ.

## F. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

**Điều 18.** Khi toàn bộ hoặc một phần lô hàng đã được xuất đi một nước Thành viên cụ thể nay thay đổi nơi hàng đến, trước hoặc sau khi hàng hóa tới nước Thành viên đó, các quy tắc phải được tuân thủ:

(a) Nếu như hàng hóa đã được trình với Cơ quan Hải quan của một nước nhập khẩu là Thành viên cụ thể, thì theo đơn yêu cầu của nhà nhập khẩu C/O Mẫu D sẽ được Cơ quan Hải quan nước này chấp thuận theo như yêu cầu ghi trong đơn đối với toàn bộ hoặc một phần lô hàng và bản gốc được trả lại cho nhà nhập khẩu. Bản sao Thứ ba sẽ được gửi lại cho cơ quan cấp C/O Mẫu D;

(b) Nếu việc thay đổi nơi hàng đến xảy ra trong quá trình vận chuyển tới nước nhập khẩu là Thành viên như ghi trong C/O mẫu D, nhà xuất khẩu sẽ nộp đơn, cùng với C/O Mẫu D đã được cấp, xin cấp C/O Mẫu D mới cho toàn bộ hay một phần lô hàng đó.

**Điều 19.** Để thực hiện Điều 5 (c) của Quy chế Xuất xứ, khi hàng hóa được chuyển qua lãnh thổ của một hay nhiều nước không phải là Thành viên ASEAN, các giấy tờ sau phải trình cho các cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ nước Thành viên nhập khẩu:

(a) Một vận đơn chở suốt được cấp tại nước xuất khẩu là Thành viên;

(b) Một C/O Mẫu D do cơ quan hữu quan của Chính phủ nước xuất khẩu là Thành viên cấp;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(c) Một bản sao hóa đơn thương mại gốc của hàng hóa; và

(d) Các chứng từ cần thiết để chứng minh rằng các yêu cầu của Quy tắc 5 (c) tiểu mục (i), (ii) và (iii) của Quy chế Xuất xứ được tuân thủ.

**Điều 20.**

(1) Hàng hóa gửi từ một Nước xuất khẩu là Thành viên để tham gia triển lãm ở một nước khác và được bán trong hoặc sau triển lãm để nhập khẩu vào một nước Thành viên sẽ được hưởng chế độ CEPT với điều kiện là hàng hóa đó đáp ứng các yêu cầu của Quy chế Xuất xứ, miễn là phải chứng minh được cho cơ quan hữu quan của Chính phủ Nước nhập khẩu là Thành viên rằng:

(a) Nhà xuất khẩu đã gửi các hàng hóa đó từ lãnh thổ của Nước xuất khẩu là Thành viên tới nước tổ chức triển lãm và đã trưng bày tại đó;

(b) Nhà xuất khẩu đã bán hoặc chuyển nhượng hàng hóa đó cho một người nhận hàng trong nước nhập khẩu là Thành viên;

(c) Trong quá trình triển lãm hoặc ngay sau đó hàng hóa đã được chuyển đi bán cho Nước nhập khẩu là Thành viên trong tình trạng mà hàng đã được gửi tới để tham dự triển lãm.

(2) Để thực hiện các quy định trên, cơ quan hữu quan của Chính phủ nước nhập khẩu là Thành viên có thể cấp C/O Mẫu D. Tên và địa chỉ của triển lãm phải được ghi rõ. Cơ quan hữu quan của Chính phủ nước tổ chức triển lãm có thể cấp Giấy chứng nhận cùng với các chứng từ cần thiết quy định trong Điều 19 (d) để làm bằng chứng xác nhận rằng hàng hóa đã được trưng bày tại triển lãm;

(3) Mục (1) sẽ được áp dụng với tất cả các cuộc triển lãm, hội chợ hoặc trưng bày tương tự hay trưng bày tại các cửa hiệu, cơ sở kinh doanh (nơi mà hàng hóa luôn chịu sự kiểm soát Hải quan trong suốt quá trình triển lãm) với mục đích bán các sản phẩm của nước ngoài.

**Điều 21.** Các cơ quan có thẩm quyền liên quan tại nước nhập khẩu có thể chấp nhận giấy chứng nhận xuất xứ trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bởi công ty đặt tại ngoài ASEAN hoặc bởi nhà nhập khẩu ASEAN cho công ty nói trên, miễn là sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của Quy tắc xuất xứ CEPT.

## G. BIỆN PHÁP CHỐNG GIAN LẬN

**Điều 22.**

(a) Khi nghi ngờ có những hành vi gian lận liên quan đến C/O Mẫu D, các cơ quan có thẩm quyền liên quan của Chính phủ sẽ phối hợp hành động trong từng nước Thành viên để xử lý người liên can;

(b) Mỗi nước Thành viên phải chịu trách nhiệm đưa ra các hình phạt pháp lý đối với các hành vi gian lận liên quan đến C/O Mẫu D.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

H. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

**Điều 23.**

(a) Trong trường hợp có tranh chấp về xác định xuất xứ, phân loại hàng hóa hoặc các vấn đề khác, các cơ quan có thẩm quyền liên quan của Chính phủ tại các nước nhập khẩu và xuất khẩu là Thành viên sẽ tham vấn lẫn nhau nhằm giải quyết tranh chấp và kết quả sẽ được thông báo cho các nước thành viên khác biết để tham khảo;

(b) Trong trường hợp tranh chấp không thể giải quyết song phương, thì vấn đề đó sẽ được Hội nghị các quan chức kinh tế cấp cao (SEOM) quyết định.

(c) Nghị định thư về Cơ chế Giải quyết Tranh chấp của các nước ASEAN sẽ được áp dụng đối với mọi tranh chấp hay mâu thuẫn phát sinh giữa các nước Thành viên trong quá trình thực hiện Quy tắc xuất xứ và Quy trình thực hiện CEPT.

## Phụ lục 3

## HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA MẪU D ĐỂ HƯỞNG ƯU ĐÃI THEO HIỆP ĐỊNH CEPT

**Điều 1.** Hướng dẫn khai C/O Mẫu D

C/O Mẫu D phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung khai phải phù hợp với tờ khai hải quan đã được thanh khoản và các chứng từ khác như vận đơn, hóa đơn thương mại và giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ của Công ty Giám định hàng hóa (trong trường hợp có yêu cầu giám định)

- Ô số 1: tên giao dịch của người xuất hàng + địa chỉ + tên nước (Việt Nam)

- Ô số 2: Tên người nhận hàng + địa chỉ + tên nước (phù hợp với tờ khai hải quan đã được thanh khoản)

- Ô trên cùng bên phải: Do cơ quan cấp C/O mẫu D ghi. Số tham chiếu gồm 12 ký tự, chia làm 5 nhóm, chi tiết cách ghi như sau:

• Nhóm 1: 02 ký tự "VN" (viết in) là viết tắt của 2 chữ Việt Nam.

• Nhóm 2: 02 ký tự (viết in) là viết tắt tên nước nhập khẩu, quy định các chữ viết tắt như sau:

| | | | |
|---|---|---|---|
| BN | Bruney | LA | Lào |
| KH | Cam puchia | ID | Indonesia |
| MY | Malaysia | MM | Myanmar |
| PH | Philippines | SG | Singapore |
| TH | Thái Lan | | |

• Nhóm 3: 02 ký tự biểu hiện năm cấp giấy chứng nhận

• Nhóm 4: 02 ký tự thể hiện tên cơ quan cấp C/O Mẫu D theo quy định như sau:

Mã số các cơ quan cấp C/O Mẫu D

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| Số thứ tự | Tên đơn vị | Mã số |
|---|---|---|
| 1 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội | 01 |
| 2 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh | 02 |
| 3 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng | 03 |
| 4 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai | 04 |
| 5 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Hải Phòng | 05 |
| 6 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương | 06 |
| 7 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Vũng Tàu | 07 |
| 8 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Lạng Sơn | 08 |
| 9 | Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Quảng Ninh | 09 |
| 10 | Ban quản lý Khu công nghiệp - Khu chế xuất Hà Nội | 31 |
| 11 | Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh | 32 |
| 12 | Ban quản lý các khu công nghiệp Hải Phòng | 33 |
| 13 | Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất Đà Nẵng | 34 |
| 14 | Ban quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên | 35 |
| 15 | Ban quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ | 36 |
| 16 | Ban quản lý các khu công nghiệp và THĐT tỉnh Vĩnh Phúc | 37 |
| 17 | Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh | 38 |
| 18 | Ban quản lý các khu công nghiệp Hà Tây | 39 |
| 19 | Ban quản lý các khu công nghiệp và đầu tư nước ngoài Quảng Ninh | 40 |
| 20 | Ban quản lý các khu công nghiệp Hải Dương | 41 |
| 21 | Ban quản lý các khu công nghiệp Thanh Hóa | 42 |
| 22 | Ban quản lý các khu công nghiệp Nghệ An | 43 |
| 23 | Ban quản lý các khu công nghiệp Hà Tĩnh | 44 |
| 24 | Ban quản lý các khu công nghiệp Thừa Thiên - Huế | 45 |
| 25 | Ban quản lý các khu công nghiệp Quảng Nam | 46 |
| 26 | Ban quản lý các khu công nghiệp Quảng Ngãi | 47 |
| 27 | Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Định | 48 |
| 28 | Ban quản lý các khu công nghiệp Phú Yên | 49 |
| 29 | Ban quản lý các khu công nghiệp Khánh Hòa | 50 |
| 30 | Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận | 51 |
| 31 | Ban quản lý các khu công nghiệp Đắk Lắk | 52 |
| 32 | Ban quản lý các khu công nghiệp - khu chế xuất Đồng Nai | 53 |
| 33 | Ban quản lý các khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu | 54 |

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

| Số thứ tự | Tên đơn vị | Mã số |
|---|---|---|
| 34 | Ban quản lý các khu công nghiệp Long An | 55 |
| 35 | Ban quản lý các khu công nghiệp Tây Ninh | 56 |
| 36 | Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương | 57 |
| 37 | Ban quản lý các khu công nghiệp Tiền Giang | 58 |
| 38 | Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ | 59 |
| 39 | Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Tháp | 60 |
| 40 | Ban quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Long | 61 |
| 41 | Ban quản lý các khu công nghiệp Dung Quất | 62 |
| 42 | Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam - Singapore | 63 |

• Nhóm 5: Gồm 05 ký tự biểu hiện số thứ tự của C/O Mẫu D

Giữa nhóm 3 và 4 cũng như giữa nhóm 4 và 5 có dấu gạch chéo "/"

**Ví dụ:** Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O Mẫu D mang số thứ 9 cho một lô hàng xuất khẩu sang Thái Lan trong năm 2004 thì cách ghi số tham chiếu của C/O Mẫu D này sẽ như sau:

VN-TH 04/02/00009

- Ô số 3: Tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì đánh "By air", nếu gửi bằng đường biển thì đánh tên tầu) + từ cảng nào? đến cảng nào?

- Ô số 4: Để trống (sau khi nhập khẩu hàng hóa, cơ quan hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ đánh dấu thích hợp trước khi gửi lại cho Phòng Quản lý Xuất nhập khu vực đã cấp C/O Mẫu D này).

- Ô số 5: Danh mục hàng hóa (nhiều mặt hàng, 01 lô hàng, đi 01 nước, trong một thời gian)

- Ô số 6: Ký mã và số hiệu của kiện hàng

- Ô số 7: Số loại kiện hàng, mô tả hàng hóa (bao gồm số lượng và số HS của nước nhập khẩu).

- Ô số 8: Hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Trường hợp hàng hóa/sản phẩm có xuất xứ toàn bộ tại Việt Nam (không sử dụng nguyên phụ liệu nhập khẩu) thì đánh chữ "X".

b) Hàng hóa không được sản xuất hay khai thác toàn bộ tại Việt Nam như Quy tắc 3 Phụ lục 1 của Quy chế xuất xứ sẽ nêu ở phần sau theo quy định của ASEAN thì ghi rõ số phần trăm giá trị đã được tính theo giá FOB của hàng hóa

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0963838206

được sản xuất hay khai thác tại Việt Nam, ví dụ 40% LOCAL CONTENT.

c) Hàng hóa có xuất xứ cộng gộp như Quy tắc 4 Phụ lục 1 của Quy chế xuất xứ ASEAN thì ghi rõ số phần trăm của hàm lượng có xuất xứ cộng gộp ASEAN, ví dụ 40% ASEAN CONTENT.

d) Hàng hóa có xuất xứ theo tiêu chí "chuyển đổi cơ bản" thì ghi "ST"

- Ô số 9: Trọng lượng cả bì hoặc số lượng và giá trị khác (Giá FOB).

- Ô số 10: Số và ngày của hóa đơn thương mại.

- Ô số 11: + Dòng thứ nhất ghi chữ Việt Nam.

+ Dòng thứ hai ghi đầy đủ tên nước nhập khẩu.

+ Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm, và chữ ký.

- Ô số 12: Để trống.

**Điều 2.** Cơ quan đầu mối

Vụ Xuất nhập khẩu giúp Bộ trưởng Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện quy chế, phối hợp với Ban thư ký ASEAN về thực hiện Quy chế.

Vụ Xuất nhập khẩu là đầu mối làm các thủ tục đăng ký mẫu chữ ký và con dấu của các cơ quan cấp C/O Mẫu D với các nước thành viên cũng như đăng ký với Ban thư ký của ASEAN.

Vụ Xuất nhập khẩu có trách nhiệm giúp đỡ và phối hợp các Công ty Giám định hàng hóa thực hiện quy trình kiểm tra xuất xứ hàng hóa.

**Điều 3.** Việc in ấn và bán các tờ khai C/O Mẫu D:

Văn phòng Bộ Thương mại có trách nhiệm in và giao C/O Mẫu D cho các Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực.

Các Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực trực tiếp bán cho người xin C/O Mẫu D và phải thực hiện việc quyết toán theo quy định của Văn phòng Bộ.

**Điều 4.** Báo cáo định kỳ

Các cơ quan cấp C/O Mẫu D phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng cho Bộ Thương mại - Vụ Xuất nhập khẩu về tình hình cấp và sử dụng C/O Mẫu D (kể cả trường hợp không có việc cấp C/O). Báo cáo định kỳ này được đánh máy theo mẫu (dưới dạng file Microsoft Excel) và gửi bằng văn bản và e-mail về Bộ Thương mại - Vụ Xuất nhập khẩu (21 Ngô Quyền, Hà Nội. Điện thoại: 8262538, Fax: 8264696, e-mail: co@mot.gov.vn) trước ngày 10 của tháng tiếp theo. Trường hợp không có báo cáo định kỳ như đã nêu trên liên tục trong thời gian 3 tháng thì việc ủy quyền của Bộ Thương mại cho các cơ quan được ủy quyền cấp C/O Mẫu D sẽ hết hiệu lực.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

**Mẫu báo cáo**

Tên, địa chỉ cơ quan cấp
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: **Bộ Thương mại** (Vụ Xuất nhập khẩu)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CẤP CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ MẪU D
THÁNG..... NĂM 200.....

| Số thứ tự | Tên nước nhập khẩu | Thời điểm | Số bộ hồ sơ cấp | Trị giá số bộ hồ sơ cấp (USD) | Số bộ hồ sơ bị nước nhập từ chối (**) | Trị giá số bộ hồ sơ bị nước nhập từ chối (USD) (**) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Brunei** | | | | | |
| | | Tháng .... | | | | |
| | | Số lũy kế đến hết kỳ (*) | | | | |
| | **Campuchia** | | | | | |
| | | Tháng ..... | | | | |
| | | Số lũy kế đến hết kỳ (*) | | | | |
| | ..... | | | | | |
| | | | | | | |
| | **Tổng toàn bộ** | Tháng ..... | | | | |
| | | Số lũy kế đến hết kỳ (*) | | | | |

*Ngày.... tháng.... năm....*
Chữ ký của người có thẩm quyền

(*) Ví dụ đối với báo cáo của tháng 6 thì số lũy kế đến hết kỳ là số liệu của cả 6 tháng).

(**) Việc báo cáo về C/O bị từ chối thực hiện 3 tháng 1 lần.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

## Phụ lục 4

## THỦ TỤC XIN KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA XUẤT XỨ HÀNG HÓA MẪU D

Để thực hiện Quy chế về xuất xứ đối với hàng hóa được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan theo Hiệp định Ưu đãi Thuế quan có Hiệu lực chung (CEPT) giữa các nước ASEAN, thủ tục xin và cấp Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ Mẫu D được quy định như sau:

### I. TỔ CHỨC ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA

**Điều 1.** Tổ chức được thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hóa Mẫu D là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ giám định hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 20/1999/NĐ-CP ngày 12/4/1999 của Chính phủ về kinh doanh dịch vụ giám định hàng hóa và các văn bản pháp quy liên quan.

**Điều 2.** Để phục vụ cho việc kiểm tra, tổ chức kiểm tra có quyền yêu cầu người xin kiểm tra cung cấp hay xuất trình các chứng từ cần thiết có liên quan đến hàng hóa cũng như tiến hành bất kỳ việc kiểm tra hàng hóa nào nếu thấy cần thiết.

### II. KIỂM TRA XUẤT XỨ HÀNG HÓA

**Điều 3.** Việc kiểm tra xuất xứ hàng hóa được tiến hành trước khi hàng hóa xuất khẩu. Riêng đối với hàng hóa cần kiểm tra hàm lượng ASEAN thì tùy theo mức độ phức tạp mà việc kiểm tra sẽ được thực hiện ngay từ khâu sản xuất, chế biến.

Người xin kiểm tra xuất xứ hàng hóa có trách nhiệm tạo mọi điều kiện cần thiết để người kiểm tra tiến hành công việc được thuận lợi, nhanh chóng và chính xác.

**Điều 4.** Đối với các thương nhân chỉ sản xuất một chủng loại hàng hóa theo mã số AHTN nhưng xuất khẩu thành nhiều lô hàng sang các nước ASEAN, khi làm thủ tục kiểm tra xuất xứ hàng hóa chỉ phải làm thủ tục giám định một lần đối với lô hàng xuất khẩu đầu tiên. Từ lô hàng thứ hai trở đi của chính mặt hàng theo mã số AHTN đó, thương nhân chỉ phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hóa của lô hàng đầu tiên trên cơ sở có cam kết bằng văn bản về sự đáp ứng hàm lượng ASEAN của hàng hóa (bằng hoặc lớn hơn so với lô hàng thứ nhất - tăng hàm lượng nguyên vật liệu từ ASEAN, Việt Nam) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của mình.

**Điều 5.** Kiểm tra xuất xứ hàng hóa bao gồm những hạng mục sau:

- Đặc điểm hàng hóa (chủng loại, quy cách),

- Ký mã hiệu trên kiện hàng,

- Kiểu đóng kiện,

- Số, khối lượng (số, khối lượng cuối cùng căn cứ theo vận đơn),

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Hàm lượng ASEAN.

**Điều 6.** Cơ sở, công thức tính hàm lượng ASEAN áp dụng theo Phụ lục 6, Phụ lục 7 của Quyết định này.

## III. THỦ TỤC XIN KIỂM TRA VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA XUẤT XỨ HÀNG HÓA

**Điều 7.** Khi làm thủ tục xin kiểm tra xuất xứ hàng hóa, người xin kiểm tra phải đảm bảo:

(a) Đã có đủ và sẵn sàng để kiểm tra đối với hàng hóa có xuất xứ thuần túy ASEAN.

(b) Đã bắt đầu hay đang được sản xuất đối với hàng hóa phải xác định hàm lượng ASEAN.

**Điều 8.** Hồ sơ xin kiểm tra xuất xứ hàng hóa Mẫu D bao gồm:

(a) Hai tờ đơn xin kiểm tra xuất xứ hàng hóa Mẫu D (theo mẫu quy định đính kèm) đã được khai đầy đủ và ký tên (riêng đối với doanh nghiệp thì phải đóng dấu).

(b) Các chứng từ gửi kèm theo đơn xin kiểm tra xuất xứ hàng hóa:

(b).i. Đối với hàng hóa có nguyên phụ liệu nhập khẩu ngoài lãnh thổ nước Thành viên và/ hoặc không xác định được xuất xứ:

- Quy trình pha trộn/quy trình sản xuất, lắp ráp hay bảng giải trình tỷ lệ pha trộn nguyên phụ liệu đầu vào của hàng hóa.

- Hóa đơn chứng từ để xác định giá nhập theo điều kiện CIF của nguyên phụ liệu nhập khẩu từ ngoài lãnh thổ nước Thành viên.

- Hóa đơn, chứng từ chứng minh giá nguyên, phụ liệu không xác định được xuất xứ.

(b).ii. Đối với hàng hóa có xuất xứ cộng gộp:

- Các chứng nhận xuất xứ thỏa mãn điều kiện xuất xứ Mẫu D từ các thành viên.

- Các quy trình pha trộn/quy trình sản xuất, lắp ráp hoặc bản giải trình pha trộn nguyên liệu đầu vào của hàng hóa.

(c) Các giấy tờ phải nộp trước ngày nhận giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hóa (có thể nộp bản sao, nhưng phải xuất trình bản chính để đối chứng):

- Hóa đơn thương mại và/hoặc các giấy tờ để chứng minh giá xuất khẩu hàng hóa theo điều kiện FOB.

**Điều 9.** Người xin kiểm tra xuất xứ hàng hóa Mẫu D phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các chi tiết đã kê khai trong đơn xin kiểm tra cũng như trong các chứng từ gửi kèm theo.

**Điều 10.** Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hóa được lập trên mẫu ấn chỉ có biểu tượng của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ giám định hàng hóa đã được đăng ký tại Cục Sở hữu công nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ./.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

## ĐƠN XIN KIỂM TRA XUẤT XỨ HÀNG HÓA MẪU D

Số:.....

***Kính gửi:*** **Công ty**.....

Người yêu cầu (Ghi rõ tên, địa chỉ, tel, Fax ): .....
..... o Doanh nghiệp ..... o Cá nhân.....
Người xuất khẩu (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, tel, Fax): .....
.....
Người nhập khẩu (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, tel, Fax): .....
.....
Tên hàng: .....
Số/Khối lượng:.....
Cảng xếp hàng: .....
Cảng dỡ hàng: .....
Phương tiện vận tải: .....

Tiêu chuẩn xuất xứ yêu cầu kiểm tra:

* Hàng hóa có xuất xứ thuần túy ASEAN

o Việt Nam
o Thành viên khác của ASEAN
o Việt Nam + thành viên khác của ASEAN

* Hàng hóa có nguyên phụ liệu nhập khẩu
o Xuất xứ ngoài ASEAN — So với giá FOB chiếm: .....%
o Xuất xứ không xác định — So với giá FOB chiếm: .....%
* o Hàng hóa có xuất xứ cộng gộp — So với giá FOB hàm lượng ASEAN chiếm:.....%

**Tài liệu giấy tờ kèm theo:**

o Hóa đơn chứng từ để xác định giá trị nguyên, phụ liệu nhập khẩu ngoài ASEAN
o Quy trình pha trộn nguyên, phụ liệu/quy trình sản xuất, lắp ráp.
o Các C/O thỏa mãn điều kiện xuất xứ hàng hóa Mẫu D (đối với hàng hóa có xuất xứ cộng gộp)
o Hóa đơn, chứng từ chứng minh giá nguyên, phụ liệu không xác định xuất xứ
o Bảng giải trình tỷ lệ nguyên, phụ liệu được sử dụng ở đầu vào
o Vận đơn
o Hóa đơn thương mại và /hoặc giấy tờ chứng minh giá FOB

Thời gian/Địa điểm/Người liên hệ để kiểm tra: .....
.....
Số bản giấy chứng nhận (tiếng Việt) yêu cầu cấp: ..... bản

Chúng tôi cam kết sẽ thanh toán phí kiểm tra bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn của quý Công ty.

*Ngày ..... tháng ..... năm .....*
Người yêu cầu

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0963880

# CAM KẾT VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Số: .....

***Kính gửi:*** **Phòng quản lý XNK.....**

Người cam kết (Ghi rõ tên, địa chỉ, tel, Fax ):.....

.....o Doanh nghiệp.....o Cá nhân .....

Tên hàng và mã số AHTN: .....

Số/Khối lượng: .....

Cảng xếp hàng:.....

Cảng dỡ hàng: .....

Phương tiện vận tải: .....

Chúng tôi cam kết lô hàng này có hàm lượng xuất xứ ASEAN tương tự với lô hàng đã được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu D số..... ngày /...../200... (sao y bản chính gửi kèm theo) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của cam kết này.

*Ngày ..... tháng..... năm.....*

(Người có thẩm quyền ký tên, đóng dấu)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0963838306

## Phụ lục 5

## QUY CHẾ XUẤT XỨ CEPT ÁP DỤNG CHO HÀNG DỆT VÀ CÁC SẢN PHẨM DỆT TIÊU CHUẨN CHUYỂN ĐỔI CƠ BẢN

### Các quy tắc chung

*Quy tắc 1*

Nước xuất xứ là nước mà tại đó diễn ra việc chuyển đổi cơ bản cuối cùng hoặc thực hiện quá trình để tạo nên một sản phẩm mới. Do vậy, nguyên vật liệu trải qua một chuyển đổi cơ bản ở nước nào sẽ là sản phẩm của nước đó.

*Quy tắc 2*

Quá trình sản xuất tạo ra một sản phẩm có liên quan tới hai hay nhiều nước thì nước xuất xứ là nước diễn ra việc chuyển đổi cơ bản cuối cùng hoặc thực hiện quá trình để tạo nên một sản phẩm mới.

*Quy tắc 3*

Một hàng dệt may hay sản phẩm dệt sẽ được coi là đã trải qua chuyển đổi cơ bản hay quá trình chuyển đổi cơ bản nếu nó được biến đổi qua một quá trình sản xuất hay các công đoạn sản xuất cơ bản để hình thành nên một vật phẩm thương mại khác hẳn và mới.

*Quy tắc 4*

Một vật phẩm thương mại khác hẳn và mới thường sẽ là kết quả của quá trình sản xuất hay các công đoạn chế biến nếu có sự thay đổi trong:

1. Thiết kế mẫu hay định dạng sản phẩm;

2. Đặc tính cơ bản; hay

3. Mục đích sử dụng.

*Quy tắc 5*

Để xác định xem một hàng hóa cụ thể đã trải qua các công đoạn chế biến hay sản xuất cơ bản hay không, cần xem xét đến các yếu tố sau:

5.1. Sự thay đổi lý tính của vật liệu hoặc sản phẩm được sản xuất do quá trình sản xuất hay các công đoạn chế biến tạo nên;

5.2. Thời gian liên quan tới quá trình sản xuất hay các công đoạn chế biến tại nước sản xuất ra sản phẩm;

5.3. Tính phức tạp của quá trình sản xuất hay các công đoạn chế biến ở nước sản xuất ra sản phẩm;

5.4. Trình độ hay mức độ về tay nghề và/hoặc công nghệ cần thiết trong quá trình sản xuất hay các công đoạn chế biến.

Các quy tắc áp dụng riêng cho hàng dệt và các sản phẩm dệt.

*Quy tắc 6*

Vật liệu hay sản phẩm dệt sẽ được coi là sản phẩm của một nước ASEAN khi nó có trải qua một trong các quy trình như

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

sau trước khi nhập khẩu vào nước ASEAN khác:

6.1. Các hóa chất hóa dầu trải qua quá trình polyme hóa hay đa hội tụ hay bất kỳ một quá trình hóa học hay vật lý nào để tạo nên một cao phân tử;

6.2. Polyme (cao phân tử) trải qua quá trình kéo sợi chảy hay phun để tạo nên một xơ tổng hợp;

6.3. Kéo xơ thành sợi;

6.4. Dệt, dệt kim hay phương pháp tạo thành vải khác;

6.5. Cắt vải thành các phần và lắp ráp các phần này thành một sản phẩm hoàn chỉnh;

6.6. Nếu quy trình nhuộm vải được kèm thêm bất kỳ công đoạn hoàn tất nào thì có tác động tới việc hoàn chỉnh sản phẩm nhuộm trực tiếp;

6.7. Nếu quy trình in vải được kèm thêm bất kỳ công đoạn hoàn tất nào thì có tác động tới khả năng hoàn chỉnh sản phẩm in trực tiếp;

6.8. Quá trình sản xuất một sản phẩm mới có các xử lý như ngâm hay phủ một sản phẩm dẫn đến việc tạo thành một sản phẩm mới thuộc vào nhóm hàng tính thuế khác (4 số - heading of customs tariff);

6.9. Các điểm thêu chiếm ít nhất 5% tổng số diện tích của sản phẩm được thêu.

*Quy tắc 7*

Một sản phẩm hay vật liệu sẽ không được coi là một sản phẩm có xuất xứ ASEAN nếu nó chỉ trải qua bất cứ một quá trình nào như sau:

7.1. Các công đoạn phối trộn đơn lẻ, dán mác, ép, làm sạch hay làm sạch khô hay các công đoạn đóng gói hay bất kỳ một sự phối hợp nào của các quá trình này;

7.2. Cắt theo chiều dài hay khổ vải và viền, móc hay may đè vải nhằm sử dụng cho một hình thức thương mại đặc biệt;

7.3. Cắt nhẹ và/hay ghép với nhau bằng cách may, tạo vòng, ghép nối, dán các phụ kiện như nẹp áo, dải, thắt lưng, dây vòng hay khuyết;

7.4. Một hay nhiều công đoạn hoàn tất cho sợi, vải hay các sản phẩm dệt khác như tẩy trắng, chống thấm, co kết, làm bóng hay các công đoạn tương tự; hay

7.5. Nhuộm hoặc in hoa vải hoặc sợi.

*Quy tắc 8*

Các sản phẩm (được liệt kê sau đây) được tạo ra từ vật liệu vật liệu dệt do các nước ngoài ASEAN sản xuất sẽ được coi có xuất xứ ASEAN nếu nó trải qua các quá trình như ở Quy tắc 6 chứ không chỉ như ở Quy tắc 7

8.1. Khăn mùi soa;

8.2. Khăn choàng, nơ, mạng và các sản phẩm tương tự;

8.3. Túi ngủ và chăn;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

8.4. Khăn giường, áo gối, khăn bàn, khăn tắm và khăn ăn;

8.5. Bao bì, các sản phẩm dùng để đựng hàng hóa;

8.6. Giấy dầu, rèm cửa, vải bạt che cửa;

8.7. Vải trải sàn, vải phủ bàn ghế và các sản phẩm tương tự.

**Chứng nhận xuất xứ**

*Quy tắc 9*

Giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền hay đại diện có thẩm quyền từ nước xuất khẩu cấp để chứng nhận xuất xứ ASEAN của sản phẩm dệt.

*Quy tắc 10*

Trong trường hợp sản phẩm dệt được sản xuất tại hai hay nhiều nước thì chỉ nước nào có quá trình hay chuyển đổi cơ bản cuối cùng mới cần có giấy chứng nhận xuất xứ.

*Quy tắc 11*

Giấy chứng nhận xuất xứ sẽ được xuất trình cùng với các chứng từ cần thiết khác cho Hải quan nước ASEAN nhập khẩu.

*Quy tắc 12*

Nếu có nảy sinh tranh chấp như tính xác thực của xuất xứ ASEAN đối với một sản phẩm dệt, thì tranh chấp này có thể được giải quyết theo cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN (DSM). Trong trường hợp như vậy, hải quan có thể giải phóng các sản phẩm bị tranh chấp sau khi người nhập khẩu có những đảm bảo đáp ứng yêu cầu của cơ quan hải quan.

## Phụ lục 6

## PHƯƠNG PHÁP TÍNH HÀM LƯỢNG NỘI ĐỊA/ASEAN

**1.** Các nước thành viên chỉ được sử dụng 1 phương pháp tính hàm lượng nội địa/ASEAN, nghĩa là phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp, tuy nhiên nước thành viên sẽ có quyền thay đổi phương pháp tính toán nếu cần thiết. Bất kỳ sự thay đổi nào trong phương pháp tính toán sẽ phải được thông báo cho Hội nghị Hội đồng AFTA.

**2.** Giá FOB sẽ được tính như sau:

a) Giá FOB = Giá xuất xưởng + các chi phí khác.

b) Các chi phí khác dùng để tính giá FOB là các chi phí phát sinh trong việc đưa hàng lên tầu để xuất khẩu, bao gồm nhưng không giới hạn bởi, chi phí vận tải nội địa, chi phí lưu kho, chi phí tại cảng, phí hoa hồng, phí dịch vụ, v.v...

**3.** Công thức tính giá xuất xưởng:

a) Giá xuất xưởng = Chi phí sản xuất + Lợi nhuận

b) Công thức tính Chi phí sản xuất

i. Chi phí sản xuất = Chi phí nguyên

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

vật liệu + Chi phí nhân công + Chi phí phân bổ (overhead cost)

ii. Nguyên vật liệu bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu

- Chi phí vận tải và bảo hiểm

iii. Chi phí nhân công bao gồm:

- Lương

- Các khoản thưởng

- Những khoản phúc lợi khác có liên quan đến quá trình sản xuất

iv. Chi phí phân bổ (overhead cost), bao gồm, nhưng không bị giới hạn bởi:

- Chi phí nhà xưởng có liên quan đến quá trình sản xuất (bảo hiểm, chi phí thuê và thuê mua nhà máy, khấu hao nhà xưởng, sửa chữa, bảo trì, thuế, lãi cầm cố)

- Các khoản thuê mua và trả lãi của nhà máy và thiết bị

- An ninh nhà máy

- Bảo hiểm (nhà máy, thiết bị và vật tư sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm)

- Các nhu yếu phẩm cho quá trình sản xuất (năng lượng, điện, và các nhu yếu phẩm khác đóng góp trực tiếp sử dụng trong quá trình sản xuất)

- Nghiên cứu, phát triển, thiết kế và chế tạo

- Khuôn dập, khuôn đúc, việc trang bị dụng cụ và khấu hao, bảo trì và sửa chữa của nhà máy và thiết bị

- Tiền bản quyền sáng chế (có liên quan đến những máy móc có bản quyền hoặc quá trình sử dụng trong việc sản xuất hàng hóa hoặc quyền sản xuất hàng hóa)

- Kiểm tra và thử nghiệm nguyên vật liệu và sản phẩm

- Lưu trữ trong nhà máy

- Xử lý các chất thải có thể tái chế

- Các nhân tố chi phí trong việc tính toán giá trị của nguyên vật liệu, như chi phí cảng và chi phí giải phóng hàng và thuế nhập khẩu đối với các thành phần phải chịu thuế.

## Phụ lục 7

## CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG ĐỐI VỚI QUY TẮC XUẤT XỨ CEPT-AFTA

### A. Các nguyên tắc để các định chi phí xác định xuất xứ ASEAN

i) Thực tế (Materiality) - tất cả các chi phí trong việc định giá, đánh giá và xác định xuất xứ phải là chi phí thực tế.

ii) Nhất quán (Consistency) - phương pháp phân bổ chi phí phải nhất quán trừ trường hợp có thể chứng minh bằng thực tế thương mại.

iii) Tin cậy (Reliability) - thông tin về chi phí phải đáng tin cậy và được xác nhận bằng những thông tin phù hợp.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09638806

iv) Thích hợp (Relevance) - chi phí phải được phân bổ dựa trên các dữ liệu khách quan và có thể định lượng được.

v) Chính xác (Accuracy) - Phương pháp định giá phải cung cấp sự biểu diễn chính xác cho các nhân tố chi phí được quan tâm.

vi) Việc áp dụng các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP - General Accepted Accounting Principles) tại nước xuất khẩu - thông tin về chi phí phải được chuẩn bị phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và bao gồm cả việc tránh tính trùng lắp cho các mục chi phí.

vii) Cập nhật - Những số liệu cập nhật từ các tài liệu chi phí và kế toán hiện thời của công ty phải được sử dụng để xác định xuất xứ.

**B. Các nguyên tắc cho Phương pháp luận để tính chi phí**

i) Chi phí thực tế: Cơ sở xác định chi phí thực tế sẽ do công ty quyết định. Chi phí thực tế phải bao gồm các chi phí trực tiếp và gián tiếp phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

ii) Chi phí dự tính và chi phí được phép chi - chi phí dự tính có thể được sử dụng nếu có thể chứng minh được. Các công ty phải cung cấp bản phân tích sự phương sai (variance analysis) và bằng chứng trong thời gian xin chứng nhận xuất xứ để làm rõ tính chính xác của việc dự tính.

iii) Chi phí tiêu chuẩn - Cơ sở xác định chi phí tiêu chuẩn phải được làm rõ. Các công ty phải cung cấp bằng chứng về việc các chi phí được sử dụng cho mục đích kế toán.

iv) Chi phí bình quân/Chi phí bình quân khả biến (Moving average cost): Chi phí bình quân có thể được sử dụng nếu có thể chứng minh được; cơ sở để tính chi phí bình quân, bao gồm cả thời gian tính, v.v... phải được chỉ ra. Các công ty phải cung cấp bản phân tích phương sai (variance analysis) và bằng chứng trong thời gian xin chứng nhận xuất xứ để làm rõ tính chính xác của chi phí bình quân.

v) Chi phí cố định: Chi phí cố định phải được phân bổ theo các nguyên tắc kế toán đáng tin cậy. Chi phí cố định phải phản ánh đúng các chi phí bộ phận của công ty trong thời gian cụ thể. Phương pháp phân bổ cần được chỉ rõ./.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 8233947
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng